

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày: 02 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

Thẩm phán: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Trang.
- Ông Nguyễn Văn Bé Ba.
- Ông Sơn Quan.

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Võ Thị Hồng Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Trung H.** sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị T; anh ruột: 01 người sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân:

- Ngày 22/12/2006, bị Tòa án nhân dân quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 225/2006/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 23/4/2007; nộp xong án phí năm 2007.

- Ngày 24/01/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù, về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 11/2013/HS-PT; chấp hành xong hình phạt năm 2017; nộp xong án phí năm 2013.

- Ngày 29/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp giết tài sản” theo Bản án số 19/2018/HS-ST, chấp hành án xong vào tháng 09/2020; nộp xong án phí năm 2018.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1986; tên gọi khác: Thoại.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Thạch Thị H2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 01/4/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời gian 24 tháng theo Quyết định số 799/QĐ-UB, chấp hành xong vào tháng 02/2004.

- Ngày 12/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 17/2005/HS-ST, nộp xong án phí năm 2005.

- Ngày 19/10/2006, bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 1613/2006/HS-PT; chấp hành hình phạt xong năm 2007; nộp xong án phí HSST, HSPT và tiền sung quỹ nhà nước vào năm 2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Hoàng T2**, sinh năm: 1988; tên gọi khác: T2 lỗ mũi trâu.

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh H3 và bà Phạm Thị M; anh, chị ruột: 04 người (lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/5/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung H:* ông Nguyễn Văn Tiến D, Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:*

1. Ông Nguyễn Khương N, Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Ông Trần Văn M1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng T2: ông Nguyễn Văn C1, Luật sư Văn phòng L4 thuộc Vĩnh Long. (có mặt)*

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Hữu T3, sinh năm: 1995; nơi cư trú: số A, khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Tăng Văn Hậu G, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

3. Nguyễn Tấn L, sinh năm: 2003; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

4. Nguyễn Trường A, sinh năm: 1990; nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

5. Lê Quốc T4, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

6. Thạch Quách Thành N1, sinh năm: 2005; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

7. Huỳnh Quốc T5, sinh năm: 1999; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

8. Trần Kỳ B, sinh năm: 1992; nơi cư trú: số B, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

9. Đặng Thị Ngọc T6, sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 21/4/2023, Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Vĩnh Long trong lúc làm nhiệm vụ, ra tín hiệu cho bị cáo Nguyễn Trung H đang điều khiển xe mô tô biển số 53X1-5446 từ hướng ấp Đ, xã N, huyện T về hướng thị trấn T, huyện T dừng xe, lúc này bị cáo H bỏ chạy vào trước căn nhà cạnh kho vật tư Nông nghiệp H thì bị lực lượng Công an khống chế, phát hiện chỗ vị trí bị cáo H đứng có một điện thoại di động và một vật màu đen từ trong người

của bị cáo H rơi ra. Tiếp tục kiểm tra vật màu đen trên, bên ngoài là bọc nylon màu đen, mở bọc nylon màu đen thì bên trong có 05 bọc nylon trong suốt, được hàn kín, mỗi bọc nylon có dán băng keo màu đỏ, bên trong mỗi bọc nylon có chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy).

Tiếp tục kiểm tra túi xách màu nâu bị cáo H đang đeo trên người, phát hiện và tạm giữ: tiền Việt Nam đồng là 6.218.000 đồng; 05 (năm) hộp quẹt gas các loại; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 01 (một) đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn và một số giấy tờ tùy thân.

Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo H tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát hiện, thu giữ một số đồ vật có liên quan đến ma túy: (BL 16-19)

- Trong phòng ngủ của bị cáo H trên bàn (tại vị trí số D – phòng sau cùng từ phía trước đi vào) 01 bọc nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng nghĩ là chất ma túy, 01 bọc nylon có viền màu đỏ, được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng nghĩ là chất ma túy (ký hiệu 05); 25 (hai mươi lăm) đoạn ống hút bằng nhựa có nhiều màu sắc, 40 (bốn mươi) bọc nylon có viền màu đỏ, bên trong rỗng, 01 (một) bình thủy tinh phần trên có gắn một đoạn ống nhựa màu vàng trắng, bên trong có chứa chất lỏng, 01 (một) chai nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn, lỗ còn lại nối với một đoạn ống nhựa màu trắng xanh, bên trong có chứa chất lỏng, 02 (hai) đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn, 02 (hai) đoạn ống thủy tinh, 01 (một) cuộn băng keo màu đen, 01 (một) hộp quẹt ga màu vàng, 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng, 01 (một) kẹp pen y tế.

- Trên tường phía bên phải nhìn vào phòng ngủ của bị cáo H (tại vị trí số 05) có 01 bọc nylon trong suốt, được hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghĩ là chất ma túy (ký hiệu 06).

- Trong phòng tiền chế (tại vị trí số 06) có 03 bọc nylon viền màu đỏ, hàn kín bên trong các bọc này chứa tinh thể màu trắng, nghĩ là chất ma túy (ký hiệu 10); 01 bình thủy tinh có quấn băng keo màu đen ở thân bình, trên nắp bình có một đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn và có gắn một đoạn ống nhựa màu đỏ, bên trong có chứa chất lỏng, 01 (một) đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn, 01 (một) đoạn ống thủy tinh, 01 (hai) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, 01 (một) kẹp pen y tế, 01 (một) hộp quẹt gas, màu trắng, 01 (một) cuộn băng keo màu đen.

- Trước cửa phòng tiền chế (vị trí số 07) có một vỏ gói bao thuốc lá hiệu JET, bên trong có 06 bọc nylon trong suốt, hàn kín bên trong các bọc này chứa tinh thể màu trắng, nghĩ là chất ma túy (ký hiệu 12).

- Trong nhà vệ sinh phía sau gương giáp tường (vị trí số 08) có 01 bọc nylon viền màu đỏ bên trong có 03 bọc nylon trong suốt, hàn kín bên trong các bọc này chứa tinh thể màu trắng, nghĩ là chất ma túy (ký hiệu 13)

Căn cứ kết luận giám định số: 266/KL-KTHS, ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Phòng K Công an - tỉnh Vĩnh Long kết luận (BL 72-74):

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 05 bìch nylon được niêm phong bì (ký hiệu 01) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 49,3409 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bìch nylon trong suốt (kích thước 5,4cm x 1cm) được niêm phong bì (ký hiệu 05) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,2149 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bìch nylon có viền màu đỏ (kích thước 8cm x 5cm) được niêm phong bì (ký hiệu 05) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,2112 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bìch nylon được niêm phong bì (ký hiệu 06) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,8092 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 03 bìch nylon được niêm phong bì (ký hiệu 06) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 4,7884 gam; loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bìch nylon được niêm phong bì (ký hiệu 12) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,4760 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 03 bìch nylon được niêm phong bì (ký hiệu 13) gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,7474 gam, loại Methamphetamine.

Căn cứ kết luận giám định số: 267/KL-KTHS, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Phòng K - Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận (BL 80-81):

- Mẫu chất lỏng bên trong 01 bình thủy tinh được niêm phong trong hộp giấy (ký hiệu 08) gửi giám định là ma túy, có thể tích 34 ml, loại: Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 0,1122 mg/ml. Khối lượng Methamphetamine có trong 34ml mẫu chất lỏng là 0, 0038 gam.

- Mẫu chất lỏng bên trong 01 bình nhựa được niêm phong trong hộp giấy (ký hiệu 08) gửi giám định là ma túy, có thể tích 293 ml, không tìm thấy chất ma túy.

- Mẫu chất lỏng bên trong 01 bình thủy tinh được niêm phong trong hộp giấy (ký hiệu 11) gửi giám định là ma túy, có thể tích 168 ml, loại: Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 0,2138 mg/ml. Khối lượng Methamphetamine có trong 168 ml mẫu chất lỏng là 0, 0359 gam.

Tổng khối lượng ma túy là 57,6328 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

vào đầu năm 2023, bị cáo H bắt đầu mua ma túy của nhiều người trên địa bàn thị xã B để đem về phân lẻ bán kiếm lời, địa điểm mua bán tại nhà, đến ngày 21/4/2023, bị cáo H mua 50 gam ma túy đá (05 hộp mười) với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), của một người tên T7 (không rõ họ tên địa chỉ) tại địa bàn thị xã B, trên đường về thì bị phát hiện bắt quả tang.

Trong thời gian bị cáo H mua bán ma túy, sau khi phân lẻ ra bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn Đ cất giữ và bị cáo Đ trực tiếp bán ma túy cho người mua lúc bị cáo H không có mặt tại nhà; sau đó, bị cáo Đ đưa tiền lại cho bị cáo H, khoảng 02 – 03 ngày thì bị cáo H cho bị cáo Đ từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng.

Ngoài ra, trong lúc bị cáo H có mặt ở nhà nhưng bị cáo H nằm trong phòng khi có người đến nhà bị cáo H để mua ma túy thì bị cáo Bùi Hoàng T2 thông báo cho bị cáo H biết hoặc dùng điện thoại nhắn tin, điện thoại trực tiếp cho bị cáo H để bị cáo H biết và bán ma túy cho người mua, cách 01 – 02 ngày bị cáo H cho bị cáo T2 tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Qua đối chất, các bị cáo H, Đ, T2 thừa nhận có bán ma túy cho những người mua gồm:

1. Huỳnh Quốc T5 đến nhà bị cáo H mua ma túy 02 lần, mỗi lần 01 tép ma túy với giá 200.000 đồng.

2. Trần Kỳ B đến nhà bị cáo H mua ma túy nhiều lần nhưng không nhớ chính xác ngày tháng nào, mỗi lần mua 01 tép ma túy với giá 300.000 đồng.

3. Nguyễn Hữu T3 đến nhà bị cáo H mua nhiều lần từ khoảng tháng 02/2023 đến ngày 21/4/2023, mỗi lần mua với số lượng từ 600.000 đồng đến 900.000 đồng. Ngày 21/4/2023 T3 mua ma túy với số tiền 900.000 đồng, nhưng không có tiền trả nên T3 đã cầm điện thoại di động cho bị cáo H. Trong đó: bị cáo Đ bán ma túy nhiều lần, mỗi lần mua với số lượng từ 600.000 đồng đến 900.000 đồng và ngày 16/4/2023 bị cáo T2 giao ma túy 01 lần với số tiền 600.000 đồng.

4. Nguyễn Trường A đến nhà bị cáo H mua ma túy khoảng 04 đến 05 lần, mỗi lần 01 tép ma túy giá 200.000 đồng. Trong đó, bị cáo Đ bán 03 lần, mỗi lần 01 tép với giá 200.000 đồng và gặp bị cáo T2, bị cáo T2 kêu bị cáo H đem ma túy ra bán.

5. Lê Quốc T4 đến nhà bị cáo H mua ma túy khoảng 20 lần, mỗi lần mua 01 tép ma túy giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Trong đó, bị cáo Đ bán khoảng 12 -13 lần, mỗi lần 01 tép với giá 200.000 đồng và bị cáo T4 giao cho T4 01 tép ma túy giá 200.000 đồng tại trước cửa nhà bị cáo H.

6. Thạch Quách Thành N1 đến nhà bị cáo H mua ma túy nhiều lần, gần nhất ngày 28/3/2023 mua 02 tép với giá 700.000 đồng; trong đó, bị cáo Đ bán

khoảng 07 đến 08 lần, mỗi lần 01 tép ma túy đá giá 300.000 đồng và bị cáo T4 có giao ma túy cho N1 nhiều lần.

7. Tăng Văn Hậu G đến nhà bị cáo H mua ma túy do bị cáo Đ bán 01 tép ma túy giá 300.000 đồng.

8. Nguyễn Tấn L đến nhà bị cáo H mua ma túy do bị cáo Đ bán 03 lần, mỗi lần 01 tép ma túy giá 300.000 đồng.

Quá trình mua bán trái phép chất ma túy bị cáo H đã thu nhập bất chính được 12.000.000 đồng; trong đó, bị cáo H cho bị cáo Đ 5.000.000 đồng; bị cáo T4 1.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung H khi bị bắt quả tang và khám xét nhà tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long:

- 01 (một) túi xách màu nâu (đã qua sử dụng).
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 53X1-5446.
- 44 (bốn mươi bốn) bịch nylon có viền màu đỏ, bên trong rỗng.
- 03 (ba) cuộn băng keo màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 (một) bịch nylon bên trong rỗng, có dán băng keo màu đỏ.
- 01 (một) bao da có hình bao súng, màu xám.
- 25 (hai mươi lăm) đoạn ống hút bằng nhựa, có nhiều màu sắc.
- 04 (bốn) đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn. 9 trung
- 02 (hai) đoạn ống thủy tinh.
- 07 (bảy) hộp quẹt gas các loại (đã qua sử dụng).
- 03 (ba) cây kéo bằng kim loại màu trắng.
- 02 (hai) kẹp pen y tế màu trắng.
- 01 (một) Camera màu đen, có gắn thẻ nhớ.
- 01 (một) vỏ gói thuốc là hiệu JET.
- 04 (bốn) dùi cui bằng kim loại và 01 (một) roi điện có dòng chữ TW-09 (đã qua sử dụng).
- 01 (một) xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53-X1 5446 (đã qua sử dụng).
- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, kiểu máy CPH2505, số sê-ri: 370d3dfe, số IMEI1: 865858061051756, số IMEI 2: 865858061051749. Bên trong gắn sim có dãy số 8984048000920226271 và sim có dãy số 8984048000900146387.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, phía sau có dòng chữ OPPO, màn hình bị vỡ.

- 01 (một) thẻ ATM tên Nguyễn Thị T

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe 67F4-4946 tên Trần Văn M2.

- 01(một) giấy cầm đồ có dòng chữ Ngọc T8.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A92, kiểu máy: CPH2059, số sê-ri: 2c7d09bf, số IMEI1: 867511050130796, số IMEI 2: 867511050130788. Bên trong gắn sim có dãy số 8401190824042807WD và sim có dãy số 8984048000909965859.

Thu giữ của bị cáo Bùi Hoàng T2:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A20, kiểu máy: SM-A205F/DS, số sê-ri: R58M82YTR0V, số IMEI (khe 1): 358587107616611, số IMEI (khe 2): 358588107616619. Bên trong gắn sim có dãy số 8401161092064302.

Các vật chứng sau khi giám định:

- 01 (một) thùng niêm phong hoàn trả sau giám định số 267/11, ngày 28/4/2023. Bên nhận Đặng Hải Đ1, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) thùng niêm phong hoàn trả sau giám định số 267/08, ngày 28/4/2023. Bên nhận Đặng Hải Đ1, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/05, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/06, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/10, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/12, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/13, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/01. Bên nhận Hồ Minh T9, bên giao: Nguyễn Minh G1, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

- 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 333, ngày 25/5/2023. Bên nhận Hồ Minh T9, bên giao: Nguyễn Hữu N3, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKSTVL-P1 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H mức án từ 18 năm đến 20 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2023.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 16 năm đến 17 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2023.

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Hoàng T2 mức án từ 15 năm đến 16 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2023.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy các chất ma túy hoàn trả sau khi giám định và các dụng cụ sang chiết ma túy; 01 thẻ ATM tên Nguyễn Thị T.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53X1-5446; 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A92, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh – đen, phía sau có dòng chữ OPPO, màn hình bị vỡ.

Tạm giữ thi hành án: tiền Việt Nam 7.188.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo H: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 67F4- 4946 tên Trần Văn M2; 01 giấy cầm đồ có dòng chữ Ngọc T8.

Buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính: bị cáo H nộp số tiền 5.500.000 đồng; bị cáo Đ nộp số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo T2 nộp số tiền 1.500.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo H, T2, mỗi bị cáo nộp 5.000.000 đồng; bị cáo Đ thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung.

Về án phí: buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư Tiến D bào chữa cho bị cáo H trình bày: thống nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo H có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H mức án 15 năm tù.

Luật sư Khương N bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: thống nhất với tội danh đã truy tố. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo Đ có hành vi vi phạm pháp luật; tuy nhiên, đã được xóa án tích, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có số hộ nghèo, vợ đã ly hôn bị cáo phải nuôi con nhỏ. Đề nghị áp dụng mức án dưới mức Viện kiểm sát đã đề nghị.

Trợ giúp viên pháp lý Trần Văn M1 bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: thống nhất với lời trình bày của luật sư N, xin hội đồng xét xử cho bị cáo Đ mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm về hòa nhập cộng đồng.

Luật sư C1 bào chữa bị cáo T2 trình bày: thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo T2 giúp sức với vai trò ít hơn bị cáo Đ, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo H, Đ, T2: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; luật sư không ai có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng T2 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu. Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 21/4/2023 của Công an thị trấn T, huyện T (BL 01-02); căn cứ biên bản khám xét nơi ở của bị cáo H tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (BL 16-19); căn cứ kết luận giám định số: 266/KL-KTHS, ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Phòng K Công an - tỉnh V (BL 72-74) và kết luận giám định số: 267/KL-KTHS, ngày 27 tháng 4

năm 2023 của Phòng K - Công an tỉnh Vĩnh Long (BL 80-81), tổng khối lượng ma túy thu giữ là 57,6328 gam, loại Methamphetamine.

Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng T2 phù hợp với lời khai của những người làm chứng như: Huỳnh Quốc T5 (BL 191-192); Trần Kỳ B (BL 200-201); Nguyễn Hữu T3 (BL 206-207); Nguyễn Trường A (BL 197-198); Tăng Văn Hậu G (BL 194-195); phù hợp với biên bản đối chất với những người làm chứng đã thể hiện: trong khoảng thời gian từ đầu năm 2023 đến ngày bị bắt phạm tội quả tang ngày 21/4/2023, bị cáo H mua ma túy của nhiều người trên địa bàn thị xã B đem về phân lẻ bán kiếm lời, địa điểm tại nhà bị cáo; sau khi phân lẻ ma túy có khi bị cáo trực tiếp bán ma túy cho nhiều người; có khi đưa ma túy cho bị cáo Đ cất giữ để bị cáo Đ bán cho người mua lúc bị cáo H không có mặt tại nhà; sau đó bị cáo Đ đưa tiền lại cho bị cáo H; hoặc khi có người mua ma túy thì bị cáo T2 điện thoại hoặc nhắn tin cho bị cáo H thông báo, bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo T2 giao cho người mua. Trong thời gian mua bán ma túy bị cáo H thu lợi bất chính khoảng 12.000.000 đồng; bị cáo H trả công cho bị cáo Đ 5.000.000 đồng, bị cáo T2 1.500.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây ra biết bao nhiêu tệ nạn xã hội, các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với gia đình và xã hội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng các bị cáo đã vi phạm pháp luật. Cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo H là người chủ mưu cầm đầu, chính bị cáo H đã rủ rê bị cáo Đ, T2 bán ma túy cho bị cáo và trả tiền công cho các bị cáo Đ, T2; nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Đ, T2; các bị cáo Đ, T2 phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H; tuy nhiên, bị cáo Đ giúp bị cáo H bán ma túy nhiều lần hơn bị cáo T2, được bị cáo H trả tiền công nhiều hơn so với bị cáo T2 nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T2.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: các bị cáo H, Đ, T2 thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, Đ có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử; sau khi chấp hành án về địa phương, các bị cáo không tu chí làm ăn, chấp hành tốt chính sách của địa phương mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần xem xét khi lượng hình cho các bị cáo.

Các bị cáo H, Đ, T2 trong quá trình điều tra, tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đ có cha là ông Nguyễn Văn T1 là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, được nhà nước trợ cấp hàng tháng; được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; có ông nội tên Nguyễn Văn M3 là liệt

sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Trung H, bị cáo Bùi Hoàng T2 phải nộp phạt bổ sung để sung ngân sách nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung.

[5] Các bị cáo có thu lợi từ việc mua bán trái phép chất ma túy số tiền 12.000.000 đồng, trong đó: bị cáo Nguyễn Trung H thu lợi 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ thu lợi 5.500.000 đồng, bị cáo Bùi Hoàng T2 thu lợi 1.500.000 đồng, nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Các dụng cụ liên quan hành vi phạm tội và dụng cụ sang chiết ma túy: 44 bịch nylon có viền màu đỏ, bên trong rỗng; 03 cuộn băng keo màu đen (đã qua sử dụng); 01 bịch nylon bên trong rỗng, có dán băng keo màu đỏ; 01 bao da có hình bao súng, màu xám; 25 đoạn ống hút bằng nhựa, có nhiều màu sắc; 04 đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn; 02 đoạn ống thủy tinh; 07 hộp quẹt gas các loại (đã qua sử dụng); 03 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 02 kẹp pen y tế màu trắng; 01 Camera màu đen, có gắn thẻ nhớ; 01 vỏ gói thuốc là hiệu JET; 04 dùi cui bằng kim loại và 01 roi điện có dòng chữ TW-09 (đã qua sử dụng).

+ Các gói ma túy hoàn trả sau khi giám định.

+ 01 thẻ ATM, tên Nguyễn Thị T.

+ 01 túi xách màu nâu.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Trung H:

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe 67F4-4946 tên Trần Văn M2.

+ 01(một) giấy cầm đồ có dòng chữ Ngọc T8.

- Đối với xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53X1- 5446 bị cáo H dùng để đi mua ma túy; các điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G; điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, phía sau có dòng chữ OPPO, màn hình bị vỡ của bị cáo H; điện thoại di động hiệu OPPO A92 của bị cáo Đ; điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A20, của bị cáo T2 dùng để liên hệ mua bán ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 53X1- 5446 để xử lý đối với xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53X1 - 5446.

- Đối với số tiền 7.188.000 đồng của đang tạm giữ của bị cáo H là tiền cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo H; tuy nhiên, do bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với Đặng Thị Ngọc T6 là bạn gái của bị cáo H; sống chung với bị cáo, quá trình điều tra vụ án xác định chị T6 không biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo H nên không đề cập xử lý.

- Nguyễn Thị T là mẹ ruột của bị cáo H, quá trình điều tra vụ án xác định số tài khoản 1031156739 bị thu giữ là của bà T, việc bị cáo H tự ý lấy sử dụng bà T không biết nên không đề cập xử lý.

- Nguyễn Thị Ngọc L1: quá trình điều tra vụ án xác định bà L1 có sử dụng số tài khoản 0791000029491 do bà L1 đứng tên, số tài khoản mở tại Ngân hàng T11 (V) để thực hiện giao dịch chuyển tiền qua App của Ngân hàng khi có người yêu cầu chuyển tiền, không biết nội dung, mục đích chuyển tiền của bị cáo H5 để làm gì nên không đề cập xử lý.

- Tăng Văn Hậu G, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường A, Trần Kỳ B, Lê Quốc T4, Huỳnh Quốc T5, Nguyễn Hữu T3; Thạch Quách Thành N1 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã có thông báo về chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trần Quốc T10, hiện tại T10 đã bỏ địa phương, không rõ đi đâu. Qua tra cứu hình ảnh từ tờ khai giấy chứng minh nhân dân của T10, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo H nhận dạng ảnh của T10, kết quả bị cáo H nhận dạng ra T10 là người đã bán ma túy cho bị cáo H 03 lần. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người đối với Trần Quốc T10, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục truy tìm T10 và sẽ xác minh làm rõ hành vi liên quan của T10, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[9] Lời bào chữa của các luật sư, trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Trung H, Bùi Hoàng T2 phải nộp theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ (Thoại), Bùi Hoàng T2 (T2 lỗ mũi trâu) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 18 (mười tám) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Thoại) 16 (mười sáu) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng T2 (T2 lỗ mũi trâu) 15 (mười lăm) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2023.

4. Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung H nộp 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Hoàng T2 nộp 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

6. Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có: buộc bị cáo Nguyễn Trung H nộp 5.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp 5.500.000 đồng; bị cáo Bùi Hoàng T2 nộp 1.500.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

7. Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ Các dụng cụ liên quan hành vi phạm tội và dụng cụ sang chiết ma túy: 44 bịch nylon có viền màu đỏ, bên trong rỗng; 03 cuộn băng keo màu đen (đã qua sử dụng); 01 bịch nylon bên trong rỗng, có dán băng keo màu đỏ; 01 bao da có hình bao súng, màu xám; 25 đoạn ống hút bằng nhựa, có nhiều màu sắc; 04 đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn; 02 đoạn ống thủy tinh; 07 hộp quẹt gas các loại (đã qua sử dụng); 03 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 02 kẹp pen y tế màu trắng; 01 Camera màu đen, có gắn thẻ nhớ; 01 vỏ gói thuốc là hiệu JET; 04 dùi cui bằng kim loại và 01 roi điện có dòng chữ TW-09 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) thùng niêm phong hoàn trả sau giám định số 267/11, ngày 28/4/2023. Bên nhận Đặng Hải Đ1, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) thùng niêm phong hoàn trả sau giám định số 267/08, ngày 28/4/2023. Bên nhận Đặng Hải Đ1, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/05, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/06, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/10, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/12, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/13, ngày 26/4/2023. Bên nhận Trần Hoàng N2, bên giao: Giám định viên Phạm Thị Hồng H4, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 266/01. Bên nhận Hồ Minh T9, bên giao: Nguyễn Minh G1, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 (một) gói niêm phong hoàn trả sau giám định số 333, ngày 25/5/2023. Bên nhận Hồ Minh T9, bên giao: Nguyễn Hữu N3, cùng dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long.

+ 01 thẻ ATM, tên Nguyễn Thị T.

+ 01 túi xách màu nâu.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Trung H:

+ 01 giấy cầm đồ có dòng chữ Ngọc T8.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 67F4-4946 tên Trần Văn M2.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53X1 - 5446 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, kiểu máy CPH2505, số sê-ri: 370d3dfe, số IMEI1: 865858061051756, số IMEI 2: 865858061051749. Bên trong gắn sim có dãy số 8984048000920226271 và sim có dãy số 8984048000900146387; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, phía sau có dòng chữ OPPO, màn hình bị vỡ của bị cáo Nguyễn Trung H; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A92, kiểu máy: CPH2059, số sê-ri: 2c7d09bf, số IMEI1: 867511050130796, số IMEI 2: 867511050130788. Bên trong gắn sim có dãy số 8401190824042807WD và sim có dãy số 8984048000909965859 của bị cáo Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A20, kiểu máy: SM-A205F/DS, số sê-ri: R58M82YTR0V, số IMEI (khe 1): 358587107616611, số IMEI (khe 2): 358588107616619. Bên trong gắn sim có dãy số 8401161092064302 của bị cáo Bùi Hoàng T2.

- *Tiếp tục tạm giữ*: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 53X1-5446 để xử lý đối với xe mô tô hiệu SUZUKI, màu xanh, biển số 53X1 - 5446.

Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 7.188.000 đồng theo biên lai thu số 0007561 ngày 16/01/2024 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Trung H.

8. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trung H, Bùi Hoàng T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKS TVL: 02;
- THADS TVL: 02;
- THA HSTVL: 01;
- STP: 01;
- VPĐT CAVL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ CAVL: 01;
- TG + BC: 04;
- NBC + TGV: 04;
- UBND, CA xã T: 02;
- Lưu Văn phòng; phòng KTNV&THA: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên